TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 16

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Có bao nhiêu số chẵn từ 70 512 đến 70 537?

A. 14 **B.** 13 **C.** 25 **D.** 12

Câu 2. Số «Tám mươi tư triệu bảy trăm mười một nghìn sáu trăm tám mươi mốt» viết là:

A. 85 711 681 **B.** 84 711 681 **C.** 847 110 681 **D.** 84 711 081

Câu 3. Tổng của hai số là 2390, số lớn hơn số bé 1260 đơn vị. Số bé là:

A. 1260 **B.** 1195 **C.** 1825 **D.** 565

Câu 4. Giá trị của biểu thức a + b × 6 với a = 7953, b = 122 là:

A. 8685 **B.** 48 450 **C.** 8695 **D.** 8081

Câu 5. 6 thế kỉ = …… năm

A. 610 **B.** 60 **C.** 6000 **D.** 600

Câu 6. Lúc 6 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc bẹt **B.** góc vuông **C.** góc nhọn **D.** góc tù

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 3 triệu, 7 chục nghìn, 8 trăm và 6 đơn vị viết là: ……

b) Số «năm triệu chín trăm chín mươi nghìn không trăm chín mươi bảy» viết là: ……

c) Làm tròn số 4 748 085 đến hàng trăm nghìn được: ……

Bài 2. Cho các số: 197 602, 127 609, 167 902, 197 206, 190 672.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 278 850 + 140 415 = ……

b) 807 573 − 243 780 = ……

c) 21 007 × 4 = ……

d) 25 781 : 7 = ……

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

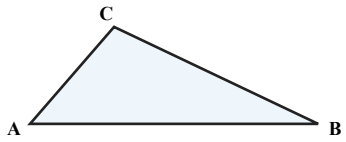
a) 2 tấn 29 kg = ……. kg

b) 2 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 37 dm^2 = ……. dm^2

d) 2 phút 31 giây = ……. giây

Bài 5. Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1273 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 404 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 16

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	D	A	D	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 3 070 806

b) 5 990 097

c) Chữ số hàng chục nghìn là 4 nên được 4 700 000

Bài 2.

a) 197 602, 197 206, 190 672, 167 902, 127 609

b) 197 602 − 127 609 = 69 993

Bài 3.

a) 278 850 + 140 415 = 419 265

b) 807 573 − 243 780 = 563 793

c) 21 007 × 4 = 84 028

d) 25 781 : 7 = 3683

Bài 4.

a) 2000 + 29 = 2029

b) 1 tạ = 10 yến: 20

c) 500 + 37 = 537

d) 2 × 60 + 31 = 151

Bài 5.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của tam giác ABC: 0 góc vuông, 2 góc nhọn, 1 góc tù.

Bài 6.

Ngày thứ hai: 1273 × 2 = 2546 (kg)

Ngày thứ ba: 2546 − 404 = 2142 (kg)

Cả ba ngày: 1273 + 2546 + 2142 = 5961 (kg)